

ID VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	15	0		16	0	
2		TGTH1+AMD+HSD	7:25	4+9+5	0+0+0		3+9+5	0+0+0	puma
3		P7+BK6+PPD	7:25	9+4+9	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
4		PPD+CTK3+MRM	7:25	12+0+8	0+0+0		7+0+15	0+0+0	chuyen 2 PPD- CTK3
5		PVD8+SAVR+P2	7:25	15+1+3	0+0+0		8+0+14	0+0+0	chuyen 3 pvd8- savr
6		PVD8	9:25	21	0		22	0	
7		MRM+RC6+RC4	9:25	14+2+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	chuyen 1 RC6- RC4
8		AMD+P7+BK5	11:25	18+0+2	0+0+0		7+9+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày P7_9ng, BK6 VỀ 2 NG ĐI RC6



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO:T.UNG	CREW: MTIẾN - CHIẾN	ETA: 10:55
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1527	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	QUÁCH VĂN THAO	T.UNG	96	1	5			72	YTE	Vietnamese
2	PHẠM HỮU PHƯỚC	T.UNG	94	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯU THẾ ANH	T.UNG	98	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN THANH	T.UNG	05	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	97	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRỌNG HÙNG	T.UNG	06	1	8	3	49	69	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	91-92	2	9			64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	400	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
9	LẠI MINH HOANG	T.UNG	03-04	2	13			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	99	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÂM GIANG	T.UNG	95	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG TÙNG	T.UNG	02	1	6			66	GETRACO	Vietnamese
13	HOÀNG GIANG LAM	T.UNG						81	PSV	Vietnamese
14	LÊ KHÁC BAO	T.UNG	01	1	6			62	PSV	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN PHÁT	T.UNG	93	1	5			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	15	1.046	16	89	3	49	16		
TOTAL		15	1.046	16	89	3	49	16		
WEIGHT KG			1.046		89		49			

GRAND TOAL: 1.184 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN MINH TIẾN

ĐỖ VĂN CHIẾN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:50
B.CARD: NAU-1	TO: TGTH1 - AMD - HSD	CREW: NKHANH - VLINH	ETA: 09:50
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1530	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LA NGOC HOAN	TGTH1	32	1	8			72	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG LONG	TGTH1	36-37	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MANH HA	TGTH1	33	1	7			52	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DUC CUONG	TGTH1	34-35	2	13			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC TAN	AMD	55	1	8	1	16	74	TLJOC	Vietnamese
6	NGO SY KHOI	AMD	59	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN LAM	AMD	52	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH KHOA	AMD	60-61	2	8			67	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TRUNG KIEN	AMD	53-54	2	18			66	KH-THAC	Vietnamese
10	LE TRI TRUNG	AMD	58	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG THE KHAI	AMD	56	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN VAN DUNG	AMD	57	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
13	DO THE THANH	HSD	70-71	2	5			74	KH-THAC	Vietnamese
14	CHU DUC CHI	HSD	73	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG DUC HUNG	HSD	72	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
16	LE PHAN NGOC CHAU	HSD	74	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
17	CAO THANH VU	HSD	69	1	5			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	4	253	6	40	0	0	3		
2	AMD	8	563	10	70	1	16	9		
3	HSD	5	374	6	36	0	0	5		
TOTAL		17	1.190	22	146	1	16	17		
WEIGHT KG			1.190		146		16			

GRAND TOAL: 1.352 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN QUANG THINH

CREW

NGUYEN VAN KHANH
TRINH VINH LINH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P7 - BK6 - PPD	CREW: HUNG - NPHU - VU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1531	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HUU PHUONG	P7						67	BIEN DONC	Vietnamese
2	VU VAN TOAN	P7	04	1	4			72	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THE	P7						63	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU MINH HUNG	P7	05-06	2	7	3	45	85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HAI KIEN	P7						77	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN THI HANG	P7						63	NIPI	Vietnamese
7	PHAN VAN THINH	P7						74	NIPI	Vietnamese
8	DO XUAN CONG*	P7	01	1	12			50	NHA THAU	Vietnamese
9	VU TIEN NGOC	P7						83	DK9	Vietnamese
10	LE HUY BAC	BK6	31-32	2	15			77	CODIEN	Vietnamese
11	PHAM THE VIET	BK6	37	1	10	1	19	66	CODIEN	Vietnamese
12	PHAM HOANG	BK6	34-36	3	21	1	20	62	CODIEN	Vietnamese
13	PHAM NGOC DIEU	BK6	33	1	13			76	XAYLAP	Vietnamese
14	LUU VAN CHIEN	PPD	62	1	5			67	YTE	Vietnamese
15	TRINH VAN NHA	PPD	61,500	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN THANH TRI	PPD	63	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN CAO CUONG	PPD						69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SON	PPD	98	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VAN DAO	PPD				1	25	88	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	99	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
21	Dinh Van Hai	PPD	66-68	3	20			51	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN BAC	PPD	65	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	9	634	4	23	3	45	0		
2	BK6	4	281	7	59	2	39	6		
3	PPD	9	614	10	57	1	25	16		
TOTAL		22	1.529	21	139	6	109	22		
WEIGHT KG			1.529		139		109			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

LE QUY HUNG
DAO NGOC PHU



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:34
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - CTK3 - MRM	CREW: VIỆT - N.ANH - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1535	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BIỆN MINH SƠN	PPD	01	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	02-03	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG DŨNG	PPD	04-05	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TIẾN ĐẠT	PPD	16	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG MINH KHÁNH	PPD	17	1	6	2	30	58	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH LIÊM	PPD	08	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC TÔN	PPD	11	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI SONG TOÀN	PPD	10	1	8			75	DK9	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN QUANG	PPD	12	1	8	2	38	72	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ XUÂN ĐAM	PPD	15	1	4			59	PSV	Vietnamese
11	VŨ VĂN HÙNG	PPD	09	1	5			64	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ XUÂN SƠN	PPD	06-07	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HOÀN	MRM	26	1	8			59	KHOAN	Vietnamese
14	VƯƠNG KIẾN QUỐC	MRM	27	1	7			78	DVL	Vietnamese
15	KOROTKOV VICTOR	MRM	18	1	11			129	AMHTP	Russian
16	TSVETKOV OLEG	MRM	19	1	13			115	AMHTP	Russian
17	BEKESHEV TROLBEK	MRM	22-23	2	15			75	AMHTP	Russian
18	MANAKOV DENIS	MRM	20-21	2	17			90	AMHTP	Russian
19	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	25	1	14			78	AMHTP	Russian
20	KARNIUKHIN VITALII	MRM	24	1	16			68	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	12	845	15	97	4	68	7	2	CHUYEN 2 PAX PPD -CTK3
2	CTK3	0	0	0	0	0	0	0		
3	MRM	8	692	10	101	0	0	15		
TOTAL		20	1.537	25	198	4	68	22		
WEIGHT KG			1.537		198		68			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: PVD8 - SAVR - P2	CREW: PHÚ - ĐỨC - THÔNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1536	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	FRANKLIN DELANOR HENSON JR	PVD8	38-39	2	19	5	58	107	PVD DD	British
2	PHAM MINH TUAN	PVD8	36	1	7			66	PVDO	Vietnamese
3	PHAM HONG THANG	PVD8	30	1	9			70	PVDO	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TIEN	PVD8	42	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
5	BUI ANH TU	PVD8	34	1	10			71	KHOAN	Vietnamese
6	TRUONG TRONG TUAN DAT	PVD8	13-14	2	12			78	KHOAN	Vietnamese
7	DJAMIAT	PVD8	10-11	2	16			78	PVD DD	Indonesian
8	BUI MANH HUNG	PVD8	40	1	9			72	PVD DD	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG HIEU	PVD8	32-33	2	10			60	PVD DD	Vietnamese
10	PHAM ANH TUAN	PVD8	12	1	7			80	PVD DD	Vietnamese
11	LE TRUNG KIEN	PVD8	15	1	7			80	PVDO	Vietnamese
12	TRAN VAN MANH	PVD8	41	1	8			64	PVDO	Vietnamese
13	HOANG GIA KHOI	PVD8	35	1	7			58	PVDO	Vietnamese
14	LE DUY KHANH	PVD8	31	1	4			53	PVDO	Vietnamese
15	NGUYEN ANH HUNG	PVD8	37	1	4			70	PVDO	Vietnamese
16	PHAM THANH NAM	SAVR	63	1	16	3	46	68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN THANH HAI	P2	05	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG XUAN THAI	P2	03	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC DU	P2	06	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	15	1.083	19	134	5	58	10 13		CHUYEN 3 PAX PVD8-SAVR
2	SAVR	1	68	1	16	3	46	0		
3	P2	3	201	3	20	0	0	12		
TOTAL		19	1.352	23	170	8	104	22		
WEIGHT KG			1.352		170		104			

GRAND TOTAL: 1.626 KGS

VSP REP.

[Signature]
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

[Signature]
VŨ THỊ THU HUONG

CREW

[Signature]
NGUYỄN HỮU PHÚ
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PVD8	CREW: HUNG - NPHU - VU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1532	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN VIET NAM	PVD8	02	1	3			72	PVDO	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HOA	PVD8	19	1	4			71	PVDO	Vietnamese
3	VU VAN TANG	PVD8	17	1	4			68	PVDO	Vietnamese
4	LUONG THE PHUC	PVD8	72	1	11	5	75	79	PVDO	Vietnamese
5	TRUONG QUOC BINH	PVD8	23-25	3	12			72	PVDO	Vietnamese
6	NGUYEN HUU CUONG	PVD8	73-74	2	13			63	PVDO	Vietnamese
7	TRAN VAN TRUNG	PVD8	16	1	7			60	PVDO	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUNG	PVD8	27	1	5			85	PVDO	Vietnamese
9	PHAM XUAN SONG	PVD8	22	1	4			70	PVDO	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NGHI	PVD8	26	1	9			72	PSV	Vietnamese
11	DAO VAN TIEN	PVD8	05	1	9			63	PSV	Vietnamese
12	LE SY NGUYEN	PVD8	18	1	9			65	PVD TECH	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	PVD8	20-21	2	13			87	PVD TECH	Vietnamese
14	HOANG VAN HIEU	PVD8	69-70	2	11			68	PVD LOGG	Vietnamese
15	DUONG NHAT THANH	PVD8	75	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
16	VU THANH LONG	PVD8	04	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
17	DO VAN THAI	PVD8	68	1	11			68	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG SON	PVD8	67	1	9	4	45	74	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HOI	PVD8	03	1	15			65	DVL	Vietnamese
20	HO SY DUC	PVD8	71	1	11			90	PVDWS	Vietnamese
21	BINH ANH DUNG	PVD8	29	1	3			73	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	21	1.513	26	177	9	120	22		
TOTAL		21	1.513	26	177	9	120	22		
WEIGHT KG			1.513		177		120			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

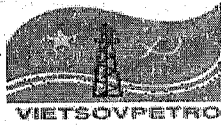
LÊ QUÝ HUNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:MRM - RC6 - RC4	CREW: QVIỆT - N.ANH - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1534	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BULGANIN DANIL	MRM	32	1	13			99	AMHTP	Russian
2	BREZHNEV ARTEM	MRM	33	1	14			81	AMHTP	Russian
3	ZAKHARENKO VLADIMIR	MRM	36	1	12			95	AMHTP	Russian
4	STEPANOV OLEG	MRM	28	1	7			106	AMHTP	Russian
5	SAVELEV NIKITA	MRM	30	1	16			105	AMHTP	Russian
6	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	34-35	2	20			87	AMHTP	Russian
7	VASILII SEMENOV	MRM	31	1	9			87	AMHTP	Russian
8	ALEKSANDR BARILENKO	MRM	29	1	12			132	AMHTP	Russian
9	KIRILL ANDREEV	MRM	40-41	2	20			92	AMHTP	Russian
10	OSIN DMITRII	MRM	42-43	2	20			86	AMHTP	Russian
11	ILIA MOROZOV	MRM	37-39	3	20			110	AMHTP	Russian
12	NGUYEN BA TUAN	MRM	44	1	3			54	AMHTP	Vietnamese
13	LAM VAN TINH	MRM	45	1	8			47	AMHTP	Vietnamese
14	LE THAI SON	RC6	62	1	10	3	51	74	VPI	Vietnamese
15	NGO NGOC THUONG	RC6	64	1	10	1	15	78	VPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO			
				PCS	WT	PCS	WT		
1	MRM	13	1.181	18	174	0	0	19	
2	RC6	2	152	2	20	4	66	0 + 1	CHUYEN 1 PAX RC6-RC4
3	RC4	0	0	0	0	0	0	3	
TOTAL		15	1.333	20	194	4	66	22	
WEIGHT KG			1.333		194		66		

GRAND TOTAL: 1.593 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
B.CARD: HONG-3	TO: AMD - P7 - BK5	CREW: HUNG - SON - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1533	


No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	AMD	74	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VĂN TRƯỜNG	AMD	80	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HÙNG MẠNH	AMD	70	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TẤN ANH ĐỨC	AMD	76-77	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CHÍ CUÔNG	AMD	71	1	13			64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN TÚ	AMD	79	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TRI	AMD	81	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
8	LE XUAN TUAN	AMD	66-67	2	15			63	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	65	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LUÔNG	AMD	69	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ TRI HÙNG	AMD	72	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ VĂN BẠC	AMD	78	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN HỮU PHƯỚC	AMD	82-83	2	17			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	73	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN GIÁC ỨNG	AMD	68	1	7			91	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN THU	AMD	63	1	8			66	PSV	Vietnamese
17	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	75	1	4			76	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	64	1	5			67	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC TUNG	BK5	95-96	2	10			77	CODIEN	Vietnamese
20	BUI ĐỨC HẬU	BK5	97	1	9	2	23	65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN


No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	18	1.262	21	166	0	0	7		
2	P7	0	0	0	0	1	5	9		
3	BK5	2	142	3	19	2	23	3		
TOTAL		20	1.404	24	185	3	28	19		
WEIGHT KG			1.404		185		28			

GRAND TOAL: 1.617 KGS


VSP REP.


NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.


VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW


LÊ QUÝ HƯNG
PHẠM THÁI SƠN